

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Địa chỉ: Đội 9, xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân phối Top One (“Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phân phối Top One được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0106121967 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 03 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 21 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TOP ONE ALLOT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt là: TOP ONE.,JSC

Trụ sở chính của Công ty: Đội 9, xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ chín ngày 21 tháng 5 năm 2019 là 253.500.000.000 VND (Hai trăm năm mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại sàn Upcom từ ngày 09 tháng 07 năm 2015 với mã giao dịch TOP.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Hội đồng Quản trị			
Ông Định Văn Tạo	Chủ tịch Hội đồng quản trị		27/04/2019
Ông Nguyễn Hữu Khá	Chủ tịch Hội đồng quản trị	27/04/2019	
Ông Đỗ Xuân Long	Thành viên		
Ông Phạm Xuân Thủy	Thành viên		27/04/2019
Bà Mai Thị Tươi	Thành viên		27/04/2019
Ông Nguyễn Thế Trịnh	Thành viên		
Ban Giám đốc			
Ông Nguyễn Thế Trịnh	Giám đốc		
Ông Vũ Hồng Quang	Phó Giám đốc		
Bà Vũ Thị Lan Hương	Phó Giám đốc		
Ban Kiểm soát			
Ông Vũ Văn Hưng	Trưởng Ban kiểm soát		
Ông Phạm Cao Cường	Thành viên		
Bà Nguyễn Thị Nhị Hương	Thành viên		
Kế toán Công ty			
Bà Nguyễn Thị Kim Thành	Kế toán trưởng		

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đại diện pháp luật của Công ty,



Nguyễn Hữu Khả
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Nam Định, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Số: 397/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính riêng năm 2019 của Công ty Cổ phần Phân phối Top One**

Kính gửi: **Các Quý cổ đông**
 Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Phân phối Top One

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Phân phối Top One, được lập ngày 25 tháng 03 năm 2020, từ trang 7 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Như trình bày tại thuyết minh 5.10 của phần thuyết minh Báo cáo tài chính, theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 27/04/2019 và Nghị Quyết số 2603/NQ-HDQT ngày 26/03/2019 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5300728430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp thay đổi lần 3 ngày 23/07/2019). Trong kỳ Công ty thực hiện mua 1.520.000 cổ phần (tương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Chế biến Rau củ quả và Thảo dược Nam Hà với giá chuyển nhượng 160.000 đồng/cổ phần (Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần CNCPTOP-NHK/01/2019 ngày 26/03/2019). Tính đến ngày 04/04/2019, Công ty đã thanh toán hết cho khoản đầu tư này với tổng số tiền 243.200.000.000 đồng.

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 05/11/2019 về việc chuyển nhượng cổ phần, do tình hình kinh doanh của Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà không được như kỳ vọng mong muốn, mặt khác ông Nguyễn Hữu Khả sở hữu 95% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang (Giấy chứng nhận ĐKDN 0107249663 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký lần 10 ngày 07/10/2019). Công ty chuyển nhượng lại toàn bộ 1.520.000 số cổ phần (tương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà với giá chuyển nhượng 160.000 đồng/cổ phần cho ông Nguyễn Hữu Khả (Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần

CNCPTOP-NHK/11/2019 ngày 18/11/2019). Đồng thời, ông Nguyễn Hữu Khả chuyển nhượng lại 2.280.000 cổ phần (trương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang với giá 106.667đ/cổ phần (Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần CNCPTOP-NHK/TPHG11/2019 ngày 18/11/2019). Phương thức thanh toán bằng căn trừ công nợ số tiền 243.200.000.000 đồng theo thỏa thuận trên hợp đồng và Biên bản căn trừ công nợ ngày 18/11/2019.

Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể xác định giá trị thị trường của Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà và của Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các giao dịch mua bán và việc căn trừ công nợ nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến các mục khác liên quan trên Báo cáo tài chính 2019 của Công ty.

Công ty sử dụng 96% vốn điều lệ của mình để đầu tư vào Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang do kỳ vọng vào dự án Trồng rừng kinh tế, kết hợp chăn nuôi động vật dưới tán rừng tại huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang của Công ty này. Dự án đã được UBND tỉnh Hà Giang cấp Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 06/06/2017 về việc chấp thuận chủ trương chuyển nhượng và điều chỉnh dự án. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo, chúng tôi chưa được tiếp cận các hồ sơ liên quan đến dự án như: Kế hoạch tài chính để triển khai dự án; Thiết kế bản vẽ thi công, Tổng dự toán; Thuyết minh dự án; Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Các hồ sơ dự án khác... đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, thẩm định phê duyệt. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về đánh giá đối với giá trị của khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang cũng như ảnh hưởng của chúng đến các mục khác liên quan trên Báo cáo tài chính 2019 của Công ty.

Tại ngày 31/12/2019, công ty có số dư nợ phải thu 8.346.244.028VND phát sinh từ giao dịch bán hàng trong kỳ. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, khoản nợ thu hồi được 3.173.691.150VND. Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng về khả năng thu hồi đối với khoản nợ chưa thu được, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khả năng thu hồi của đối với khoản nợ chưa thu được cũng như ảnh hưởng của nó đối với các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.



Phan Huy Thăng
Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1



Nguyễn Thị Ngọc Châm
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2980-2019-137-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.758.677.524	213.524.361.756
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	465.661.171	15.431.408.150
1. Tiền	111		465.661.171	15.431.408.150
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.018.769.028	182.665.951.968
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	8.346.244.028	11.742.253.942
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	597.500.000	141.827.408.700
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	19.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.04	75.025.000	10.096.289.326
III. Hàng tồn kho	140		6.221.942.149	15.328.552.600
1. Hàng tồn kho	141	5.05	6.221.942.149	15.328.552.600
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		52.305.176	98.449.038
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.06	34.445.336	51.617.120
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	46.831.918
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.07	17.859.840	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		245.759.315.793	52.345.352.409
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	49.480.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.04	-	49.480.000.000
II. Tài sản cố định	220		2.441.804.399	2.704.015.859
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.08	954.672.977	1.155.354.797
- Nguyên giá	222		1.539.545.455	1.539.545.455
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(584.872.478)	(384.190.658)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.09	1.487.131.422	1.548.661.062
- Nguyên giá	228		1.661.300.000	1.661.300.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(174.168.578)	(112.638.938)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		243.200.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.10	243.200.000.000	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		117.511.394	161.336.550
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.06	117.511.394	161.336.550
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		261.517.993.317	265.869.714.165

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.490.119.763	11.087.890.131
I. Nợ ngắn hạn	310		9.490.119.763	11.087.890.131
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	2.540.825.632	4.491.690.912
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	-	250.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.07	751.669.131	26.675.552
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	6.197.625.000	6.319.523.667
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		252.027.873.554	254.781.824.034
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	252.027.873.554	254.781.824.034
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		253.500.000.000	253.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		253.500.000.000	253.500.000.000
2. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối	421		(1.472.126.446)	1.281.824.034
- Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.281.824.034	997.386.419
- Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(2.753.950.480)	284.437.615
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		261.517.993.317	265.869.714.165

Nam Định, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu



Vũ Thị Hải Yên

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Thành

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Hữu Khá

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	29.797.460.673	67.972.280.409
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		29.797.460.673	67.972.280.409
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	6.02	29.770.409.107	65.742.489.405
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.051.566	2.229.791.004
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	253.306.934	9.066.867
7. Chi phí tài chính	22	6.04	26.250.000	65.650.684
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		26.250.000	65.650.684
8. Chi phí bán hàng	25	6.05	1.117.612.500	527.289.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.06	1.889.911.138	1.269.127.901
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.753.415.138)	376.790.286
11. Thu nhập khác	31		154	6.396.191
12. Chi phí khác	32		535.496	22.111.567
13. Lợi nhuận khác	40		(535.342)	(15.715.376)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.753.950.480)	361.074.910
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện	51	6.08	-	76.637.295
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.753.950.480)	284.437.615

Nam Định, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Vũ Thị Hải Yến

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Thành

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Hữu Khá

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(2.753.950.480)	361.074.910
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		262.211.460	258.220.298
- Các khoản dự phòng	03		-	(430.311.458)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(253.306.934)	(9.066.867)
- Chi phí lãi vay	06		26.250.000	65.650.684
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(2.718.795.954)	245.567.567
- Tăng các khoản phải thu	09		257.323.018	223.789.184.354
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.106.610.451	1.999.890.779
- Tăng các khoản phải trả	11		(1.566.074.976)	(3.814.124.207)
- Tăng chi phí trả trước	12		60.996.940	(103.365.267)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(26.250.000)	(65.650.684)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(31.695.392)	(149.883.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.082.114.087	221.901.619.142
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(39.545.455)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(158.218.832.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		158.218.832.000	-
4. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	25		(228.000.000.000)	(49.480.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	26		49.480.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		253.306.934	9.066.867
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(20.047.861.066)	(207.729.310.588)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		4.700.000.000	1.500.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.700.000.000)	(1.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(14.965.746.979)	14.172.308.554
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		15.431.408.150	1.259.099.596
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		465.661.171	15.431.408.150

Nam Định, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Vũ Thị Hải Yến

Nguyễn Thị Kim Thành

Nguyễn Hữu Khá

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân phối Top One được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0106121967 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 03 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 21 tháng 5 năm 2019.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TOP ONE ALLOT JOINT STOCK COMPANY;
Tên viết tắt là: TOP ONE.,JSC

Trụ sở chính của Công ty: Đội 9, xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ chín ngày 21 tháng 5 năm 2019 là 253.500.000.000 VND (Hai trăm năm mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại sàn Upcom từ ngày 09 tháng 07 năm 2015 với mã giao dịch TOP.

Điện thoại: 04.6292 8994

Fax: 04.6282 8818

E-mail: topone2307@gmail.com

Website: <http://toponejsc.com>

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính: Kinh doanh thương mại; Bán buôn tổng hợp.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 do Bộ Tài chính ban hành.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Nguyên tắc kế toán về Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 24 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 16 - Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	14.701.520	554.568.507
Tiền gửi ngân hàng	450.959.651	14.876.839.643
Ngân hàng TMCP Bảo Việt- CN Hà Nội	-	12.863.012
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN Thanh Xuân	1.992.780	145.204
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Tây Hồ	1.330.468	2.356.241
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam-CN Thanh Xuân	1.625.597	1.690.250
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam-CN Hà Thành	-	794.818
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-CN Thanh Xuân	445.003.272	7.828.929.032
Ngân hàng TMCP Quân đội-CN Thanh Xuân	992.473	1.637.457
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín-CN Định Công	-	1.003.448
Ngân hàng TMCP Tiên Phong-CN Thăng Long	15.061	7.027.420.181
Cộng	465.661.171	15.431.408.150

5.02 Phải thu của khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Truyền thông Ngô Quyền Hà Nội	1.742.672.351	-
Công ty cổ phần XNK Đức Bảo	1.702.623.076	-
Công ty TNHH EVIE	1.974.401.798	-
Công ty cổ phần dịch vụ Top One	896.648.731	5.117.712.461
Công ty CP Đông Dược Ninh Bình	1.408.592.922	-
Công ty TNHH Dịch vụ Nhà hàng Hải Linh	-	704.025.200
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Mê Kông Miền Bắc	-	2.685.143.868
Công ty cổ phần Dịch vụ bảo vệ đất vàng Việt Nam	-	2.685.364.572
Phải thu khách hàng khác	621.305.150	550.007.841
Cộng	8.346.244.028	11.742.253.942

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.03 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH Kiểm toán ASC	-	35.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị	-	7.700
Công ty cổ phần Đông dược Cao Bằng	-	2.573.569.000
Ông Đinh Văn Tạo	-	10.000.000.000
Bà Mạc Thị Hoa	-	7.000.000.000
Ông Nguyễn Tiến Thành	-	29.964.832.000
Ông Nguyễn Hữu Khả	-	15.200.000.000
Ông Triệu Tiến Duẩn	-	20.000.000.000
Ông Vũ Minh Chính	-	57.054.000.000
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ SBO Việt Nam	500.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	97.500.000	-
Cộng	597.500.000	141.827.408.700

5.04 Các khoản phải thu khác

Đơn vị: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	75.025.000	-	10.096.289.326	-
- Tạm ứng	-	-	10.000.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược	75.025.000	-	87.700.285	-
- Công ty Cp Tư và xây dựng VFCC	-	-	8.589.041	-
Dài hạn	-	-	49.480.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Khách sạn và du lịch Nghệ Tĩnh (*)	-	-	49.480.000.000	-
Tổng	75.025.000	-	59.576.289.326	-

(*): Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2018/HTKD/TOP-DLHT ngày 28/12/2018, hợp tác xây dựng và kinh doanh dự án "Khách sạn và trung tâm thương mại VFCC" tại phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 28/12/2018 đến ngày 31/12/2065. Công ty Cổ phần Phân phối Top One sẽ góp 79.161.000.000 đồng. Do có kế hoạch thay đổi hướng đầu tư nên ngày 04/04/2019, hai bên thực hiện thanh lý hợp đồng theo Biên bản thanh lý hợp đồng số TL01/2018/HĐKD/TOP-DLHT, Công ty Cổ phần Phân phối Top One thu hồi lại phần vốn góp hợp tác kinh doanh do thay đổi kế hoạch kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5.05 Hàng tồn kho

Đơn vị: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	6.221.942.149	-	15.328.552.600	-
Cộng	6.221.942.149	-	15.328.552.600	-

5.06 Chi phí trả trước

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	34.445.336	51.617.120
Công cụ dụng cụ	-	2.405.301
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	34.445.336	49.211.819
Chi phí trả trước dài hạn	117.511.394	161.336.550
Công cụ dụng cụ	117.511.394	161.336.550
Cộng	151.956.730	212.953.670

5.07 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị: VND

	01/01/2019		Phát sinh trong năm		31/12/2019	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng	-	-	2.552.567.748	1.860.088.617	692.479.131	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.835.552	-	-	31.695.392	-	17.859.840
Thuế thu nhập cá nhân	12.840.000	-	94.777.500	48.427.500	59.190.000	-
Phí lệ phí, các khoản phải nộp khác	-	-	3.535.496	3.535.496	-	-
Cộng	26.675.552	-	2.650.880.744	1.943.747.005	751.669.131	17.859.840

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**5.08 Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị : VND

	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị dụng cụ quản lý</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2019	1.500.000.000	39.545.455	1.539.545.455
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	<u>1.500.000.000</u>	<u>39.545.455</u>	<u>1.539.545.455</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2019	375.000.000	9.190.658	384.190.658
Tăng trong năm	187.500.000	13.181.820	200.681.820
Khấu hao trong năm	187.500.000	13.181.820	200.681.820
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	<u>562.500.000</u>	<u>22.372.478</u>	<u>584.872.478</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2019	<u>1.125.000.000</u>	<u>30.354.797</u>	<u>1.155.354.797</u>
Tại ngày 31/12/2019	<u>937.500.000</u>	<u>17.172.977</u>	<u>954.672.977</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5.09 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Đơn vị: VND Tổng
NGUYỄN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2019	1.661.300.000	1.661.300.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	<u>1.661.300.000</u>	<u>1.661.300.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2019	112.638.938	112.638.938
Tăng trong năm	61.529.640	61.529.640
Khấu hao trong năm	61.529.640	61.529.640
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	<u>174.168.578</u>	<u>174.168.578</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại ngày 01/01/2019	<u>1.548.661.062</u>	<u>1.548.661.062</u>
Số dư tại ngày 31/12/2019	<u>1.487.131.422</u>	<u>1.487.131.422</u>

(*) Theo các hợp đồng chuyển nhượng:

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Bùi Văn Thành và Công ty Cổ phần Phân phối Top One ngày 10/02/2017, giá trị chuyển nhượng là 390.600.000 đồng, mục đích sử dụng: đất rừng sản xuất.
- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Bùi Văn Vi và Công ty Cổ phần Phân phối Top One ngày 10/02/2017, giá trị chuyển nhượng là 1.270.700.000 đồng, mục đích sử dụng: đất rừng sản xuất.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÁN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.10 Đầu tư vào công ty con

	Tỷ lệ		31/12/2019		01/01/2019	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty CP Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang	95%	95%	243.200.000.000	-	-	-
Cộng	95%	95%	243.200.000.000	-	-	-

Đơn vị: VND

Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 27/04/2019 và Nghị Quyết số 2603/NQ-HDQT ngày 26/03/2019 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5300728430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp thay đổi lần 3 ngày 23/07/2019). Trong kỳ Công ty thực hiện mua 1.520.000 cổ phần (tương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Chế biến Rau củ quả và Thảo dược Nam Hà với giá chuyển nhượng 160.000 đồng/cổ phần (Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần CNCPTOP-NHK/01/2019 ngày 26/03/2019). Tính đến ngày 04/04/2019, Công ty đã thanh toán hết cho khoản đầu tư này với tổng số tiền 243.200.000.000 đồng.

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 05/11/2019 về việc chuyển nhượng cổ phần, do tình hình kinh doanh của Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà không được như kỳ vọng mong muốn, mặt khác ông Nguyễn Hữu Khá sở hữu 95% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang (Giấy chứng nhận ĐKDN 0107249663 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký lần 10 ngày 07/10/2019). Công ty chuyển nhượng lại toàn bộ 1.520.000 số cổ phần (tương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà với giá chuyển nhượng 160.000 đồng/cổ phần cho ông Nguyễn Hữu Khá (Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần CNCPTOP-NHK/11/2019 ngày 18/11/2019). Đồng thời, ông Nguyễn Hữu Khá chuyển nhượng lại 2.280.000 cổ phần (tương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang với giá 106.667đ/cổ phần (Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần CNCPTOP-NHK/TPHG11/2019 ngày 18/11/2019). Phương thức thanh toán bằng cách trừ công nợ số tiền 243.200.000.000 đồng theo thỏa thuận trên hợp đồng và Biên bản cân trừ công nợ ngày 18/11/2019.

Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang được UBND tỉnh Hà Giang cấp Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 06/06/2017 về việc chấp thuận chủ trương chuyển nhượng và điều chỉnh dự án Trồng rừng kinh tế, kết hợp chăn nuôi động vật dưới tán rừng tại huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

(*) Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 31/12/2019 cần được trình bày. Tuy nhiên, do công ty Công ty Cổ phần Lâm nông sản Hà Giang chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết nên Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên tại ngày 31/12/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****5.11 Phải trả người bán**

Đơn vị: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH dịch vụ Nam Vũ	399.439.469	399.439.469	-	-
Công ty cổ phần dịch vụ Top One	2.141.386.163	2.141.386.163	1.309.542.002	1.309.542.002
Công ty TNHH Gia Nguyễn Hà Nội	-	-	3.180.148.910	3.180.148.910
Công ty CP Đông Dược Ninh Bình	-	-	2.000.000	2.000.000
Cộng	2.540.825.632	2.540.825.632	4.491.690.912	4.491.690.912

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty CP Hoa Đạm	-	250.000.000
Cộng	-	250.000.000

5.13 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Kinh phí công đoàn	-	1.898.667
Phải trả cổ tức	6.197.625.000	6.197.625.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	120.000.000
Cộng	6.197.625.000	6.319.523.667

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**5.14 Vốn chủ sở hữu***a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu*

Đơn vị: VND

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2018	253.500.000.000	997.386.419	254.497.386.419
Tăng trong năm	-	284.437.615	284.437.615
Lợi nhuận tăng trong năm	-	284.437.615	284.437.615
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	253.500.000.000	1.281.824.034	254.781.824.034
Số dư 01/01/2019	253.500.000.000	1.281.824.034	254.781.824.034
Tăng trong năm	-	(2.753.950.480)	(2.753.950.480)
Lợi nhuận tăng trong năm	-	(2.753.950.480)	(2.753.950.480)
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	253.500.000.000	(1.472.126.446)	252.027.873.554

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ
Vốn góp của các cổ đông	253.500.000.000	100%	253.500.000.000	100%
Cộng	253.500.000.000	100%	253.500.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	253.500.000.000	253.500.000.000
Vốn góp tại đầu năm	253.500.000.000	253.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	253.500.000.000	253.500.000.000
Cổ tức đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5.14 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**d. Cổ phiếu**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.350.000	25.350.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.350.000	25.350.000
Cổ phiếu phổ thông	25.350.000	25.350.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.350.000	25.350.000
Cổ phiếu phổ thông	25.350.000	25.350.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

01917
TY
H
TOÁN
ETNAI
NỘI -

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng hóa	29.797.460.673	67.972.280.409
Cộng	29.797.460.673	67.972.280.409

6.02 Giá vốn cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	29.770.409.107	65.742.489.405
Cộng	29.770.409.107	65.742.489.405

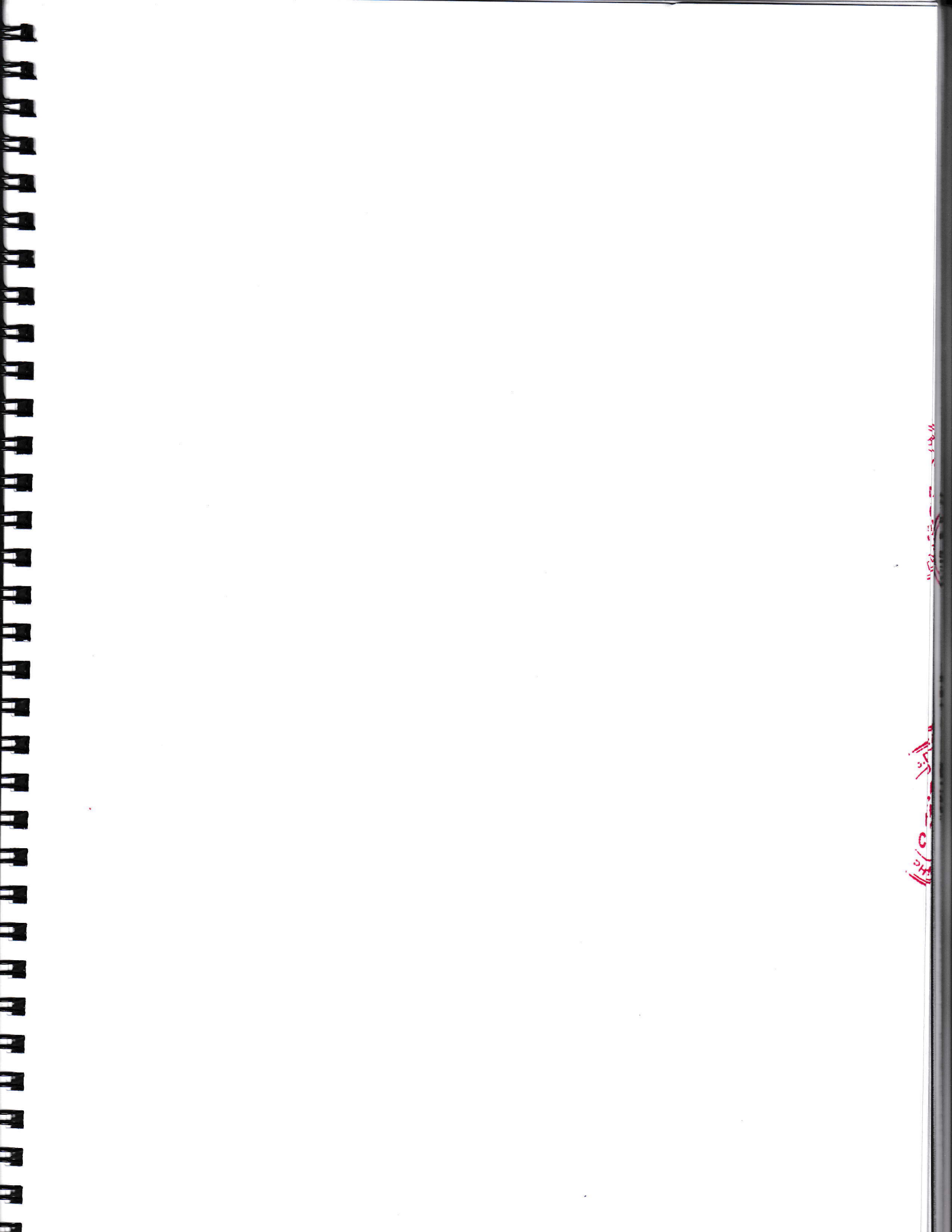
6.03 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi	764.934	9.066.867
Lãi cho vay	252.542.000	-
Cộng	253.306.934	9.066.867

6.04 Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi tiền vay	26.250.000	65.650.684
Cộng	26.250.000	65.650.684





CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)****6.05 Chi phí bán hàng**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên	1.115.812.500	527.289.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.800.000	-
Cộng	1.117.612.500	527.289.000

6.06 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	554.181.503	465.821.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	288.943.668	191.827.320
Chi phí khấu hao TSCĐ	262.211.460	258.220.298
Thuế, phí, lệ phí	3.535.496	3.365.922
Chi phí dự phòng	-	(430.311.458)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	555.390.113	291.625.052
Chi phí khác bằng tiền	225.648.898	488.579.767
Cộng	1.889.911.138	1.269.127.901

6.07 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu	20.663.798.656
Chi phí nhân công	1.669.994.003
Chi phí khấu hao TSCĐ	262.211.460
Chi phí dịch vụ mua ngoài	555.390.113
Chi phí bằng tiền khác	519.928.062
Cộng	23.671.322.294

6.08 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.753.950.480)	361.074.910
Điều chỉnh tăng các chi phí không được trừ	-	22.111.565
Tổng thu nhập chịu thuế	(2.753.950.480)	383.186.475
Thuế TNDN phải nộp	-	76.637.295
<i>Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành (20%)</i>	-	76.637.295
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	76.637.295

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN****7. THÔNG TIN KHÁC****7.01 Công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019	01/01/2019
Tài sản tài chính	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	465.661.171	15.431.408.150
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.421.269.028	71.318.543.268
Đầu tư dài hạn	243.200.000.000	-
Cộng	252.086.930.199	86.749.951.418
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	8.738.450.632	10.811.214.579
Cộng	8.738.450.632	10.811.214.579

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán, do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá trị cổ phiếu đầu tư mua của Công ty chưa niêm yết được ghi nhận theo mệnh giá đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa nguyên liệu đầu vào, tỷ giá hối đoái, lãi suất và các chủ trương chính sách của Nhà Nước.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Khách hàng Công ty là đối tác trong nước, do đó Công ty sẽ ít gặp phải rủi ro đáng kể khi tỷ giá có sự biến động.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Công ty có phát sinh các khoản vay các cá nhân theo hợp đồng trong năm tài chính, tại thời điểm Công ty đã thanh toán các khoản vay này. Do đó Công ty ít gặp rủi ro về lãi suất khi có sự điều chỉnh lãi suất trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Bảo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN*****Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi có khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thoả thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

	31/12/2019		
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	465.661.171	-	465.661.171
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.421.269.028	-	8.421.269.028
Đầu tư dài hạn	-	243.200.000.000	243.200.000.000
Cộng	8.886.930.199	243.200.000.000	252.086.930.199
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả người bán và phải trả khác	8.738.450.632	-	8.738.450.632
Cộng	8.738.450.632	-	8.738.450.632
Chênh lệch thanh khoản thuần	148.479.567	243.200.000.000	243.348.479.567

7.02 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

7.03 Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty vẫn hoạt động bình thường trong các năm tới nên thực hiện lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN****7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****7.04 Giao dịch và số dư với các bên liên quan***Danh sách các bên liên quan:*

Bên liên quan	Mối quan hệ
Thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty	Quản lý chủ chốt

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Mua cổ phần		
Ông Nguyễn Hữu Khá	243.200.000.000	-
Thu tiền cho vay		
Ông Đinh Văn Tạo	19.000.000.000	-

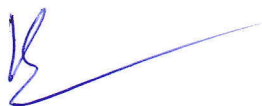
Tại ngày 31/12/2019, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Cho vay		
Ông Đinh Văn Tạo	-	19.000.000.000
Trả trước người bán		
Ông Đinh Văn Tạo	-	10.000.000.000
Ông Nguyễn Hữu Khá	-	15.200.000.000

7.05 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP, Báo cáo soát xét số 268/BCKT-TC phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2018 đưa ra kết luận ngoại trừ và Báo cáo kiểm toán độc lập số 207/BCKT-TC phát hành ngày 01 tháng 04 năm 2019 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ. Một số chỉ tiêu đầu kỳ trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được phân loại lại cho phù hợp nội dung nghiệp vụ.

Người lập biểu



Vũ Thị Hải Yến

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Thành

Nam Định, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Hữu Khá